TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày: 23/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Nguyễn Ngọc Tâm

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Chu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2024/HS-ST ngày 14/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HS ngày 17/7/2024 đối với bị cáo:

Bùi Văn L, sinh ngày 06/6/1971 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu H, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: kinh doanh

Bố đẻ: Bùi Đức T, sinh năm 1935; Mẹ đẻ: Triệu Thị N, sinh năm 1941; Vợ: Bùi Thị P, sinh năm 1973. Bị cáo có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1993; con nhỏ nhất sinh năm 2007).

Tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu A, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ

+ Anh Tạ Minh C, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu D, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ

+ Anh Bùi Chiến T1, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu A, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ

+ Anh Nguyễn Quang T2, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu A, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ

+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983

Địa chỉ: khu A, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ

+ Ông Triệu Văn N1, sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu F, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ

+ Anh Nguyễn Như B, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu D, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/02/2024, Công an huyện L nhận được tin báo của Công an xã S về việc quần chúng nhân dân phản ánh anh Bùi Văn L, sinh năm 1971, ở khu H, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ đã cho một số người trong và ngoài xã S vay tiền và thu lãi với mức 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày vay để thu lợi bất chính.

Sau khi nhận được tin báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành triệu tập lấy lời khai đối với Bùi Văn L, tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Bùi Văn L thu giữ: "01 quyển sổ khổ giấy A4, bìa màu vàng, mặt ngoài tờ bìa có chữ viết tay mực màu xanh ghi *"Bùi Văn L Theo giõi khách hàng"*, mặt trong của tờ bìa có chữ viết tay, mực màu đỏ ghi "3.000đ/1 triệu/ngày", tại tờ thứ nhất, thứ hai và thứ ba (không tính tờ bìa) của quyển sổ có chữ viết tay mực màu xanh và màu đỏ; 01 quyển sổ nhãn hiệu "Hồ N", mặt ngoài tờ bìa có chữ viết tay mực màu xanh ghi "*danh xách người vay"*, tại tờ thứ nhất (không tính tờ bìa) của quyển sổ có chữ viết tay mực màu xanh; 12 tờ giấy khổ A4 có tiêu đề *"giấy mượn tiền"*; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 132317444 mang tên Triệu Văn N1 và số tiền 41.800.000 VNĐ, tiền ngân hàng N2.

Ngày 06/03/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L ra Quyết định trưng cầu giám định Phòng K Công an tỉnh P giám định tài liệu chữ viết, so sánh chữ viết trên hai quyển sổ đã thu giữ với chữ viết của Bùi Văn L. Tại Bản kết luận giám định số: 379/KL-KTHS ngày 20 tháng 03 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận:

- Chữ viết bằng mực màu xanh, màu đỏ trên 02 mặt của tờ bìa màu vàng và chữ viết bằng mực màu xanh, màu đỏ trên tờ thứ nhất, tờ thứ hai, tờ thứ ba (không tính tờ

bìa) của quyển sổ khổ giấy A4, bìa màu vàng (mẫu cần giám định ký hiệu A1) so với chữ viết của Bùi Văn L trên mẫu so sánh (ký hiệu M) ***là do cùng một người viết ra.***

- Chữ viết có nội dung "danh xách người vay" tại mặt ngoài của tờ bìa trước và chữ viết bằng mực màu xanh trên 02 mặt của tờ thứ nhất (không tính tờ bìa) của quyển vở nhãn hiệu "Hồng Hà" (mẫu cần giám định ký hiệu A2) so với chữ viết của Bùi Văn L trên mẫu so sánh (ký hiệu M) là ***do cùng một người viết ra.***

Quá trình điều ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã làm rõ nội dung vụ án như sau:

Bùi Văn L có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh dịch vụ hỗ trợ tài chính, cho vay cầm đồ do UBND huyện L cấp. Lợi dụng việc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép nên khoảng từ tháng 3/2023 đến tháng 02/2024, Bùi Văn L đã thực hiện việc cho người khác vay tiền với lãi suất 3.000đ/01 triệu/1 ngày tương ứng với lãi suất 108%/01 năm gấp 5,4 lần so với mức lãi xuất cao nhất được quy định tại Bộ luật dân sự là 20%/năm để thu lời bất chính. L thảo thuận với những người vay tiền chỉ cần viết giấy mượn tiền L sẽ cho vay. Với thủ đoạn trên trong thời gian từ đầu năm 2023 đến 2024, L đã cho 07 người vay tiền, cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, ở khu A, xã S, huyện L:

Ngày 20/3/2023, chị H vay của Bùi Văn L số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 20/04/2023. Đến ngày 20/04/2023, chị H trả 1.350.000đ tiền lãi và hai biên thỏa thuận vay không kỳ hạn. Sau đó chị H thực hiện việc trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, mỗi tháng là 1.350.000đ. Chị H đã trả được tổng số 10 tháng tiền lãi, từ tháng 4/2023 đến tháng 01/2024 với tổng số tiền 13.500.000đ và chưa trả tiền gốc cho L. Tính đến ngày 06/02/2024 (thời điểm cơ quan Công an phát hiện hành vi cho vay lãi của Bùi Văn L chưa đến hạn chị H phải trả lãi cho L. Do đó số lãi phát sinh từ ngày 20/01/2024 đến 06/2/2024 tương ứng 17 ngày = 765.000đ tiền lãi). Như vậy số tiền lãi chị H đã trả và sẽ phải trả cho L là 14.560.000đ. Trong đó số tiền được xác định L thu lời bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự là **11.621.220đ**. (Thực tế, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự L đã thu là 2.500.000đ, số tiền L đã thu lợi bất chính là 11.000.000đ.)

2. Anh Tạ Minh C, sinh năm 1972, ở khu D, xã S, huyện L:

- Lần 1: Ngày 04/6/2023, anh C vay 20.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 04/7/2023. Ngày 05/7/2023, anh C đã trả 1.800.000đ tiền lãi và hai bên thỏa thuận gia hạn thêm 01 tháng. Ngày 04/08/2023, anh C trả 1.800.000đ tiền lãi và trả đủ 20.000.000đ tiền gốc. Với khoản vay trên, số tiền lãi anh C trả cho L là 3.600.000đ; Trong đó, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 667.200đ, số tiền đã thu lời bất chính là 2.932.800đ. Ngoài ra, L đã thu của

anh C 400.000đ tiền phí, đây là khoản thu trái với quy định của pháp luật. Do đó tổng số tiền L thu lợi bất chính là **3.332.800đ.**

- Lần 2: Ngày 20/9/2023, anh C vay 20.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 20/10/2023. Ngày 20/10/2023, anh C đã trả đủ 20.000.000đ tiền gốc và 1.800.000đ tiền lãi. Với khoản vay trên, số tiền lãi anh C đã trả cho L là 1.800.000đ; số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 333.600đ. Ngoài ra, L đã thu của anh C 400.000đ tiền phí, đây là khoản thu trái với quy định của pháp luật. Do đó, tổng số tiền L thu lợi bất chính là **1.866.400đ.**

- Lần 3: Ngày 24/10/2023, anh C vay của L 20.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 24/11/2023. Ngày 24/11/2023, anh C đã trả đủ 20.000.000đ tiền gốc và 1.800.000đ tiền lãi; số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 333.600đ. Ngoài ra, L đã thu của anh C 400.000đ tiền phí, đây là khoản thu trái với quy định của pháp luật. Do đó, tổng số tiền L thu lợi bất chính là 1.866.400đ.

Như vậy, tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà L đã thu của anh C là 1.334.400đ; Tổng số tiền Bùi Văn L thu lời bất chính các lần cho anh Tạ Minh C vay tiền là **7.065.600đ.**

3. Anh Bùi Chiến T1, sinh năm 1971, ở khu A, xã S, huyện L:

Ngày 28/04/2023, anh T1 vay của L 10.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 28/05/2023. Đến ngày 28/05/2023, anh T1 đã trả 900.000đ tiền lãi, hai bên thỏa thuận vay đến tháng 12/2023. Sau đó anh T1 trả lãi vào ngày 28 đến 30 hàng tháng, mỗi tháng 900.000đ. Anh T1 trả lãi đầy đủ tiền lãi hàng tháng, đến ngày 30/12/2023 anh T1 trả đủ 10.000.000đ tiền gốc. Tổng số anh T1 đã vay trong 08 tháng, đã trả cho L tổng số tiền lãi là 7.200.000đ. Số tiền lãi tương đương với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.334.400đ. Số tiền L thu lợi bất chính là **5.865.600đ.**

4. Anh Nguyễn Quang T2, sinh năm 1975, HKTT: khu 15, xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao

- Lần 01: Ngày 10/5/2023, anh T2 vay 10.000.000đ, thời hạn vay theo thỏa thuận là 01 tháng, tuy nhiên anh T2 chỉ vay trong vòng 13 ngày, đến ngày 23/5/2023 anh T2 đã trả đủ 10.000.000đ tiền gốc và 390.000đ tiền lãi. Với khoản vay trên, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 72.280đ. Số tiền L thu lợi bất chính là **317.720đ.**

- Lần 02: Ngày 11/10/2023, anh T2 vay 15.000.000đ, thời hạn vay theo thỏa thuận là 01 tháng. Đến ngày 11/11/2023, anh T2 trả 1.350.000đ tiền lãi và hai bên thỏa thuận vay không kỳ hạn. Sau đó anh T2 đã thực hiện trả lãi vào khoảng từ ngày 11 đến 13 hàng tháng, anh T2 trả lãi đến ngày 13/01/2024. Như vậy với khoản vay trên anh T2 đã trả lãi được 03 tháng với số tiền lãi là 4.050.000đ, anh T2 chưa trả tiền gốc cho

Bùi Văn L. Tính đến ngày 06/02/2024 (thời điểm cơ quan Công an phát hiện hành vi cho vay lãi của Bùi Văn L, anh T2 chưa thanh toán 25 ngày tiền lãi cho L vì chưa đến kỳ trả lãi. Do đó số tiền lãi tương ứng mà anh T2 phải trả tính từ ngày 14/01/2024 đến 6/02/2024 là 1.125.000đ). Như vậy, số tiền lãi đã trả và phải trả cho L là 5.175.000đ, Trong đó, số tiền L thu lời bất chính được xác định phải chịu trách nhiệm hình sự là **4.215.900đ.** (Thực tế số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà L đã nhận từ T2 kể từ ngày 11/10/2023 đến 13/01/2024) là 750.600đ; Số tiền L đã thu lợi bất chính là 3.299.400đ).

Như vậy, tổng số tiền Bùi Văn L thu lời bất chính các lần cho anh Nguyễn Quang T2 vay để xác định trách nhiệm hình sự là 4.533.620đ (thực tế L đã nhận của anh T2 là 3.617.120đ).

5. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983, ở khu A, xã S, huyện L

- Lần 1: Ngày 17/5/2023, chị H1 vay 53.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 17/6/2023. Ngày 17/6/2023, chị H1 trả 4.770.000đ tiền lãi và hai bên thỏa thuận gia hạn thêm 01 tháng đến ngày 17/7/2023. Ngày 19/7/2023 chị H1 trả đủ 53.000.000đ tiền gốc và 4.770.000đ tiền lãi. Với khoản vay trên, số tiền lãi chị H1 đã trả cho L là 9.540.000đ; số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà chị H1 đã trả là 1.768.080đ. Số tiền L thu lợi bất chính là **7.771.920đ.**
- Lần 2: Ngày 11/9/2023, chị H1 vay 40.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 11/10/2023. Đến ngày 11/10/2023, chị H1 trả 3.600.000đ tiền lãi và hai bên thỏa thuận vay thêm 03 tháng nữa. Sau đó các ngày 18/11/2023, 18/12/2023 và 15/01/2024 chị H1 đã trả đủ 40.000.000đ tiền gốc. Với khoản vay trên, số tiền lãi chị H1 đã trả cho L là 14.400.000đ; số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà chị H1 đã trả cho L là 2.668.800đ. Ngoài ra, L đã thu của chị H1 800.000đ tiền phí, đây là khoản thu trái với quy định của pháp luật. Do đó, tổng số tiền L thu lợi bất chính là **12.531.200đ.**
- Lần 3: Ngày 19/11/2023, chị H1 vay 57.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 19/12/2023. Đến ngày 25/12/2023, chị H1 trả 5.130.000đ tiền lãi và hai bên thỏa thuận cho trả lãi hàng tháng, không hẹn ngày trả gốc. Sau đó đến ngày 19/01/2024, chị H1 trả 5.130.000đ tiền lãi. Đến ngày 04/02/2024, chị H1 không vay nữa và trả 15 ngày lãi tính từ ngày 20/01/2024 đến ngày 04/02/2024 với số tiền 2.565.000đ đồng thời trả đủ 57.000.000đ tiền gốc. Với khoản vay trên, số tiền lãi chị H1 đã trả cho L là 12.825.000đ; số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.376.900đ. Số tiền L thu lợi bất chính là **10.448.100đ.**

Như vậy, tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà L đã thu các lần của chị H1 là 6.813.780đ; Tổng số tiền Bùi Văn L thu lời bất chính các lần cho chị Nguyễn Thị H1 vay là **30.751.220đ.**

6. Ông Triệu Văn N1, sinh năm 1965, ở khu F, xã S, huyện L

Ngày 28/05/2023, Triệu Văn N1 đã thế chấp Giấy chứng minh nhân dân 132317444 mang tên Triệu Văn N1 cho Bùi Văn L để vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 28/06/2023. Đến ngày 28/06/2023, ông N1 trả 1.350.000đ tiền lãi, hai bên thỏa thuận vay không thời hạn, trả lãi ngày 28 hàng tháng. Sau đó ông N1 đã trả lãi vào ngày 28 đến 30 hàng tháng. Ông N1 đã trả lãi đến tháng 01/2024 cho khoản vay trên tổng số 08 tháng với số tiền là 10.800.000đ. Tính đến ngày 06/02/2024 (*thời điểm cơ quan Công an phát hiện hành vi cho vay lãi của Bùi Văn L, N1 chưa trả 9 ngày tiền lãi đối với khoản vay này, tương ứng với số tiền 405.000 đồng*). Do đó, số tiền lãi đã trả và phải trả cho L là 11.205.000đ, trong đó số tiền thu lời bất chính được xác định để L phải chịu trách nhiệm hình sự là **9.128.340đ.** (Thực tế số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự L đã nhận của ông N1 là 2.009.940đ, số tiền L đã thu lợi bất chính là 8.790.060đ.)

7. Anh Nguyễn Như B, sinh năm 1983, HKTT: khu D, xã S, L:

Ngày 26/6/2023, anh B vay L số tiền 6.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 26/7/2023. Đến ngày 26/7/2023, anh B trả 540.000đ tiền lãi, hai bên thỏa thuận vay tiếp. Sau đó anh B đã trả lãi vào ngày 27 hoặc 28 hàng tháng, mỗi tháng 540.000đ. Anh B đã trả lãi cho L đến ngày 27/01/2024 tổng số 07 tháng với số tiền 3.780.000đ và 6.000.000đ tiền gốc cho L. Với khoản vay trên, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 700.560đ, số tiền L thu lợi bất chính là **3.079.440đ.**

Như vậy tổng số tiền mà Bùi Văn L cho 07 người trên địa bàn xã S vay là **281.000.000đ.** Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà L đã thu của những người vay là **15.515.960đ.** Tổng số tiền thu lời bất chính được xác định để L chịu trách nhiệm hình sự là 72.045.040đ. (trong đó, số tiền thực tế L đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi là 68.169.040đ và L còn thu thêm 2.000.000đ tiền phí cho vay đối với anh Tạ Minh C và chị Nguyễn Thị H1, đây là số tiền L thu trái quy định nhằm thu lời bất chính). Bùi Văn L khai nhận việc L cho vay lãi do một mình L làm nhằm thu lời chất chính để chi tiêu cá nhân.

Khi khám xét khẩn cấp nơi ở của L đã thu giữ số tiền 41.800.000đ. Lâm xác định số tiền trên do L lao động mà có, không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng nhưng L tự nguyện nộp để thực hiện nghĩa vụ.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định, L sử dụng tài khoản 0348480815 của ngân hàng Q1 để nhận tiền lãi của những người vay khi không đến trả lãi trực tiếp được. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản đối với tài khoản ngân hàng số 0348480815 ngân hàng Q1 (trong tài khoản có 5.409.753đ) của L.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị H, Tạ Minh C, Bùi Chiến T1, Nguyễn Quang T2, Nguyễn Thị H1, Triệu Văn N1, Nguyễn Như B và Bùi Văn L khai nhận như đã nêu trên. Lời khai, đối chất về số tiền vay, số tiền nợ lãi, đã trả lãi cho L, số tiền L và người vay thống nhất gia hạn khoản vay đều phù hợp với nội dung các lần L và những người vay thanh toán cho nhau được L theo dõi trong sổ và các tài liệu điều tra được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, L thừa nhận hành vi cho những người vay tiền với các khoản vay và lãi suất như trên, không có lời bào chữa nào khác.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKSLT ngày 13/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Bùi Văn L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn L; Xử phạt L từ 60.000.000đ đến 80.000.000đ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Trả lại cho ông Triệu Văn N1 01 giấy chứng minh nhân dân số 132317444 mang tên Triệu Văn N1.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền đã tạm giữ của bị cáo Bùi Văn L là 41.800.000đ (Bốn mươi mốt triệu tám trăm nghìn đồng chẵn)

- Thu hồi để tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Bùi Văn L số tiền bị cáo sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay là 209.715.960đ.

- Thu hồi để tịch thu sung quỹ Nhà nước của chị Nguyễn Thị H số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn)

- Thu hồi để tịch thu sung quỹ Nhà nước của anh Nguyễn Quang T2 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng chẵn)

- Thu hồi để tịch thu sung quỹ Nhà nước của ông Triệu Văn N1 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn)

- Tiếp tục phong tỏa số tiền 5.409.753đ (năm triệu bốn trăm linh chín nghìn bẩy trăm năm mươi ba đồng) trong tài khoản 0348 480 815 tại Ngân hàng Q1 mang tên chủ tài khoản Bùi Văn L (theo lệnh phong tỏa tài khoản số 156/LPT-CQCSĐT (KTMT) ngày 16/5/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L) để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 70.169.400đ L đã thu lời bất chính của những người vay: quá trình điều tra những người vay không yêu cầu L phải trả lại nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo L thừa nhận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2023 đến tháng 02/2024, Bùi Văn L đã cho Tạ Thị H2, Tạ Minh C, Bùi Chiến T1, Nguyễn Quang T2, Nguyễn Thị H1, Triệu Văn N1 và Nguyễn Như B vay tổng số tiền 281.000.000đ với lãi suất 3.000đ/ 01 triệu đồng/ 01 ngày, tương đương mức lãi suất 108%/năm, gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/ năm. Số tiền lãi mà Q thu lợi trên 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự phải chịu trách nhiệm hình sự là

72.045.040 VNĐ (trong đó 70.045.040đ được xác định là tiền thu lợi bất chính từ những khoản vay và 2.000.000đ tiền phí thu thêm của Tạ Minh C và Nguyễn Thị H1. Số tiền thu lời bất chính thực tế bị cáo L đã thu của những người vay là 70.169.040đ). L chưa bị xử lý hành chính hay bị kết án, chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai mà bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Bùi Văn L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo:

Mức độ phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động quản lý kinh tế, kinh doanh tiền tệ của Nhà nước, xâm phạm đến quyền lợi của công dân. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật; có sức khỏe nhưng không chịu lao động làm ăn lương thiện và rèn luyện bản thân. Vì vậy vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời và nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[2.3] Xét *các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo*

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hành vi phạm tội của bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[2.4] Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp khác

- Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 132317444 mang tên Triệu Văn N1: đây là giấy tờ tùy thân của ông N1, xét trả lại cho ông Triệu Văn N1 là phù hợp.

- Đối với các khoản tiền nợ gốc mà những người vay đã vay của bị cáo L hiện chưa trả cho bị cáo gồm: chị H2 đã vay 15.000.000đ, anh T2 đã vay 15.000.000đ (vay lần 2 vào ngày 11/10/2023), ông N1 đã vay 15.000.000đ: đây là công cụ, phương tiện bị cáo L sử dụng vào việc phạm tội, xét cần thu hồi của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền 236.000.000đ bị cáo L đã sử dụng cho vay với lãi suất cao gồm: anh Nguyễn Như B 6.000.000đ; chị Nguyễn Thị H1 150.000.000đ (03 lần vay); anh Bùi Chiến T1 10.000.000đ; anh Nguyễn Quang T2 10.000.000đ; anh Tạ Minh C 60.000.000đ (03 lần vay), các khoản tiền này người vay đã trả cho bị cáo L, đây là công cụ phương tiện phạm tội, xét thu hồi để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự mà L đã thu của những người vay là 15.515.960đ (trong đó của chị H2 là 2.500.000đ, của ông N1 là 2.009.940đ, của chị H1 là 6.813.780đ, của anh T2 là 750.600đ + 72.280đ = 3.617.120đ; của anh B là 700.560đ, của anh T1 là 1.334.400đ, của anh C là 1.334.400đ): căn cứ hướng dẫn tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, xét cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Tổng số tiền tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với L là 236.000.000đ + 15.515.960đ = 251.515.960đ. Xác nhận số tiền bị cáo đã bị thu giữ và bị cáo có quan điểm tự nguyện nộp để thực hiện nghĩa vụ) là 41.800.000đ, cần tịch thu số tiền này để sung quỹ nhà nước; Còn phải thu hồi để tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo L số tiền là 209.715.960đ.

- Đối với số tiền bị cáo L đã thu lời bất chính được từ việc cho vay lãi nặng và khoản thu trái quy định từ những người vay là 70.169.040đ (trong đó: chị Nguyễn Thị H là 11.000.000đ; anh Tạ Minh C là 7.065.600đ; anh T1 là 5.865.600đ; anh T2 là 3.617.120đ; chị H1 là 30.751.220đ; ông N1 là 8.790.060đ; anh B là 3.079.440đ): lẽ ra, L phải có nghĩa vụ trả cho những người vay các khoản thu trái quy định. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, những người vay đều có quan điểm không yêu cầu L phải trả những khoản tiền thu trái quy định. Đây là sự tự nguyện của các đương sự được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, không buộc bị cáo phải trả lại các khoản tiền thu lãi trái quy định cho những người vay là phù hợp.

Đối với số tiền 5.409.753đ tại tài khoản 0348 480 815, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L: xét cần tiếp tục phong tỏa số tiền 5.409.753đ tại tài khoản 0348 480 815 tại Ngân hàng Q1 (mang tên chủ tài khoản Bùi Văn L) để đảm bảo thi hành án.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Tại Khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự có quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến*

05 năm". Xét thấy, bị cáo đã được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Điều luật áp dụng:

Căn cứ Khoản 1 Điều 201; Điều 35; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điểm a, b Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106, Điều 129, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Về tội danh và mức hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn L phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Bùi Văn L 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn) để nộp ngân sách Nhà nước.

[3]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp khác:

- Trả lại cho ông Triệu Văn N1 01 giấy chứng minh nhân dân số 132317444 mang tên Triệu Văn N1.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền đã tạm giữ của bị cáo Bùi Văn L là 41.800.000đ (Bốn mươi mốt triệu tám trăm nghìn đồng chẵn)

Các vật chứng có tình trạng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/6/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao)

Thu hồi để tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Bùi Văn L số tiền bị cáo sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự mà L đã thu của những người vay là 209.715.960đ (Hai trăm linh chín triệu bẩy trăm mười lăm nghìn chín trăm sáu mươi đồng chẵn).

Thu hồi để tịch thu sung quỹ Nhà nước của chị Nguyễn Thị H số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn)

Thu hồi để tịch thu sung quỹ Nhà nước của anh Nguyễn Quang T2 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng chẵn)

Thu hồi để tịch thu sung quỹ Nhà nước của ông Triệu Văn N1 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn)

Tiếp tục phong tỏa số tiền 5.409.753đ (năm triệu bốn trăm linh chín nghìn bẩy trăm năm mươi ba đồng) trong tài khoản 0348 480 815 tại Ngân hàng Q1 mang tên chủ tài khoản Bùi Văn L (theo lệnh phong tỏa tài khoản số 156/LPT-CQCSĐT (KTMT) ngày 16/5/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L) để đảm bảo thi hành án.

[4]. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Những người TGTT
- VKSND huyện Lâm Thao;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THA hình sự;
- Cơ quan THA dân sự h Lâm Thao;
- Công an huyện Lâm Thao;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Loan